ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

Số: TVHN-274/AGIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 01 tháng 10 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THUỶ VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến tình hình thuỷ văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng; diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu xuống chậm, khu vực nội đồng mực nước ít biến đổi.

- Khu vực sông Mekong tại Kratie (Campuchia): Mực nước xuống nhanh.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 30/9 trên các sông, kênh ở mức thấp hơn TBNN từ 10-50cm. Riêng tại Khánh An, mực nước cao nhất và thấp nhất xấp xỉ TBNN và ở mức trên BĐ1 từ 05-10cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất ngày 30/9 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 15-60cm. Mực nước cao nhất sông Hậu tại Long Xuyên trên BĐ3 16cm, trên rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới trên BĐ2 34cm, trên sông Vàm Nao tại Phú Tân dưới BĐ2 04cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch ít biến đổi. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 30/9 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN phổ biến từ 10-35cm. Mực nước cao nhất trên kênh Vĩnh Tế tại Vĩnh Gia, Vĩnh Điều; trên kênh T3 tại Vĩnh Phú; trên kênh T5 tại Nông Trường và trên kênh Tám Ngàn tại Lò Gạch thấp hơn BĐ1 từ 09-32cm. Mực nước cao nhất trên kênh RG-LX tại trạm Núi Sập, Tân Thành, Tân Hiệp và trên kênh Vĩnh Tế tại trạm Xuân Tô trên BĐ1 từ 4-22cm. Các trạm còn lại phổ biến xấp xỉ đến trên BĐ2 từ 05-15cm.

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên nhanh, đỉnh triều cao nhất ngày 30/9 là 79cm (dưới BĐ1 01cm), cao hơn đỉnh triều ngày hôm trước 10cm.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh có xu thế xuống chậm theo triều trong 5 ngày tới. Mực nước cao nhất tại trạm Khánh An vẫn duy trì ở mức trên BĐ1 từ 05-10cm trong 2-3 ngày đầu.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch có xu thế xuống chậm theo triều. Mực nước cao nhất trên sông Hậu tại Long Xuyên và trên Rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới duy trì ở mức trên BĐ2 trong 5 ngày tới.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.

- Vùng cửa sông: Mực nước tại trạm Xẻo Rô trên sông Cái Lớn có xu thế lên chậm theo triều tới ngày 04/10. Đỉnh triều cao nhất khả năng đạt BĐ2.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Xuất hiện ngập, úng khu vực trũng thấp vùng đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu và khu vực nội đồng TGLX. Ngập lụt vùng hạ lưu sông tại các xã Chợ Mới, Nhơn Mỹ và Mỹ Hòa Hưng và vùng ven sông Cái Lớn, Cái Bé; ngập lụt trong khu vực đô thị tại các phường Long Xuyên, Bình Đức và Mỹ Thới....do triều cường.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiện tượng ngập, úng ảnh hưởng đến giao thông và hoạt động sản xuất địa phương.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 02/10/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin



Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày 30/9		So với 29/9	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN	Dự báo				
		BĐ1	BĐ2	BĐ3						01/10	02/10	03/10	04/10	05/10
Tiền	Tân Châu	350	400	**450**	Hmax	**335**	-5 ▼	1 ◀▶	-27 ▼	330	325	320	315	310
					Hmin	**298**	-7 ▼	-22 ▼	-48 ▼	294	290	285	280	275
Ông Chưởng	Chợ Mới	200	250	**300**	Hmax	**284**	-4 ▼	37 ▲	30 ▲	279	274	269	264	259
					Hmin	**207**	-5 ▼	-3 ▼	-10 ▼	202	197	192	187	180
Hậu	Khánh An	420	470	**520**	Hmax	**430**	-3 ▼	-20 ▼	0 ◀▶	427	424	421	418	415
					Hmin	**425**	-5 ▼	-18 ▼	0 ◀▶	422	419	416	413	410
	Châu Đốc	300	350	**400**	Hmax	**314**	-2 ▼	31 ▲	-9 ▼	309	304	299	294	289
					Hmin	**267**	-5 ▼	1 ◀▶	-38 ▼	263	259	254	249	244
	Long Xuyên	190	220	**250**	Hmax	**266**	-2 ▼	62 ▲	62 ▲	264	262	252	242	240
					Hmin	**160**	-3 ▼	9 ▲	11 ▲	156	152	147	141	135
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	**330**	Hmax	**286**	-3 ▼	35 ▲	17 ▲	284	282	272	262	260
					Hmin	**216**	-6 ▼	-4 ▼	-21 ▼	210	204	198	192	185
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	**400**	Hmax	**318**	-2 ▼	31 ▲	19 ▲	316	314	312	310	308
					Hmin	**316**	-2 ▼	36 ▲	20 ▲	314	312	310	308	306
	Vĩnh Gia	200	240	**280**	Hmax	**168**	-2 ▼	38 ▲	8 ▲	166	164	162	160	158
					Hmin	**166**	-2 ▼	41 ▲	9 ▲	164	162	160	158	156
	Vĩnh Điều	170	200	**230**	Hmax	**153**	-2 ▼	40 ▲	38 ▲	151	149	147	145	143
					Hmin	**151**	-2 ▼	45 ▲	42 ▲	149	147	145	143	141
T3	Vĩnh Phú	150	180	**210**	Hmax	**135**	-1 ◀▶	32 ▲	29 ▲	134	133	132	131	130
					Hmin	**132**	-2 ▼	34 ▲	30 ▲	131	130	129	128	127
T5	Nông Trường	160	190	**220**	Hmax	**144**	1 ◀▶	30 ▲	30 ▲	143	142	141	140	139
					Hmin	**142**	0 ◀▶	31 ▲	32 ▲	141	140	139	138	137
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	**280**	Hmax	**204**	0 ◀▶	24 ▲	2 ▲	203	202	201	200	200
					Hmin	**203**	1 ◀▶	26 ▲	4 ▲	202	201	200	199	198
	Cô Tô	140	180	**220**	Hmax	**187**	0 ◀▶	28 ▲	33 ▲	186	185	184	183	183
					Hmin	**185**	0 ◀▶	27 ▲	33 ▲	184	183	182	181	180
	Nam Thái Sơn	90	120	**150**	Hmax	**120**	-1 ◀▶	15 ▲	28 ▲	119	118	117	116	116
					Hmin	**118**	-2 ▼	14 ▲	29 ▲	117	116	115	114	113
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	**250**	Hmax	**161**	-1 ◀▶	35 ▲	2 ▲	160	159	158	157	157
					Hmin	**159**	-1 ◀▶	36 ▲	3 ▲	158	157	156	155	154
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	**220**	Hmax	**186**	-1 ◀▶	19 ▲	30 ▲	185	184	183	182	182
					Hmin	**181**	-1 ◀▶	21 ▲	29 ▲	180	179	178	177	176
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	**270**	Hmax	**245**	-1 ◀▶	21 ▲	24 ▲	242	239	236	233	230
					Hmin	**235**	-2 ▼	19 ▲	20 ▲	232	229	226	223	220
RG-LX	Núi Sập	140	180	**220**	Hmax	**178**	-1 ◀▶	14 ▲	11 ▲	177	176	175	174	173
					Hmin	**165**	-2 ▼	17 ▲	5 ▲	164	163	162	160	158

RG-LX	Tân Thành	120	150	**180**	Hmax	**139**	-2	▼	15	▲	27	▲	138	137	136	135	134
					Hmin	**137**	-1	◀▶	20	▲	29	▲	136	135	134	132	130
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	**150**	Hmax	**112**	-1	◀▶	15	▲	14	▲	111	110	109	108	106
					Hmin	**111**	-1	◀▶	17	▲	15	▲	110	109	108	106	104
Kiên	Rạch Giá	70	80	**90**	Hmax	**73**	10	▲	8	▲	18	▲	74	75	76	76	70
					Hmin	**7**	10	▲	-4	▼	7	▲	0	-1	-2	-3	-2
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	**100**	Hmax	**79**	10	▲	16	▲	26	▲	82	85	88	90	85
					Hmin	**-2**	4	▲	8	▲	12	▲	-10	-15	-18	-19	-18

Chú thích: ▲ *Cao hơn;* ▼ *Thấp hơn;* ◀▶ *Xấp xỉ;*

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm

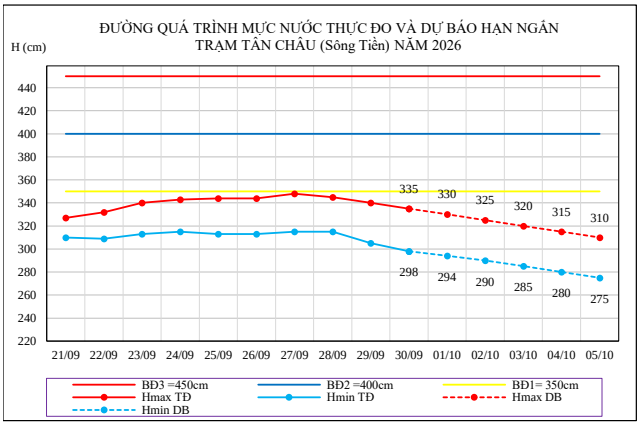

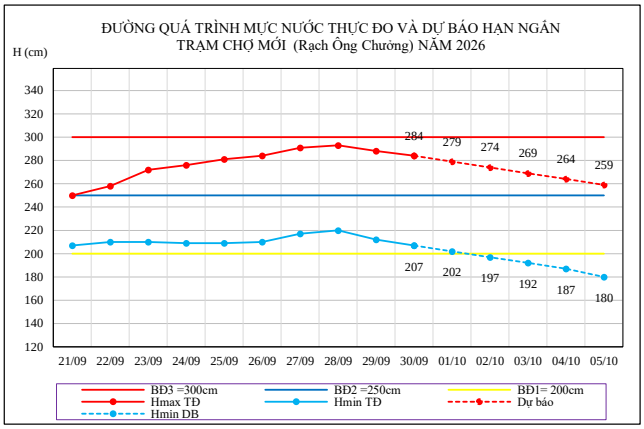

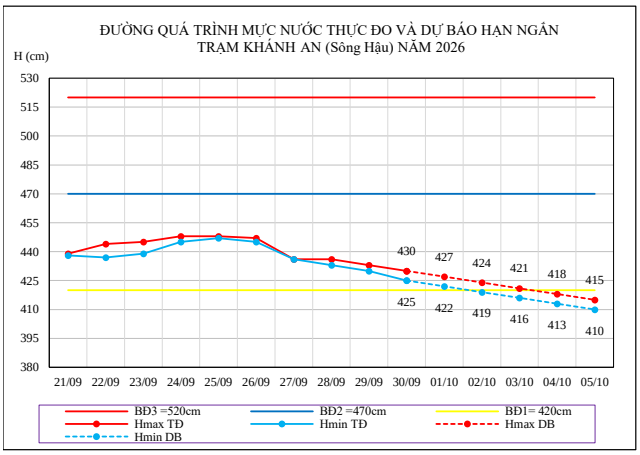

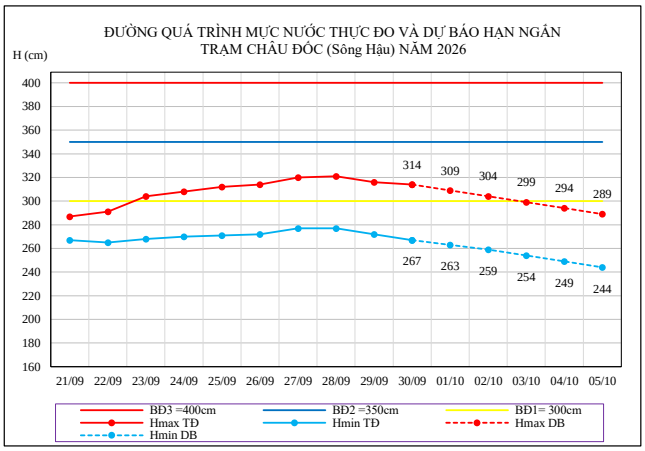

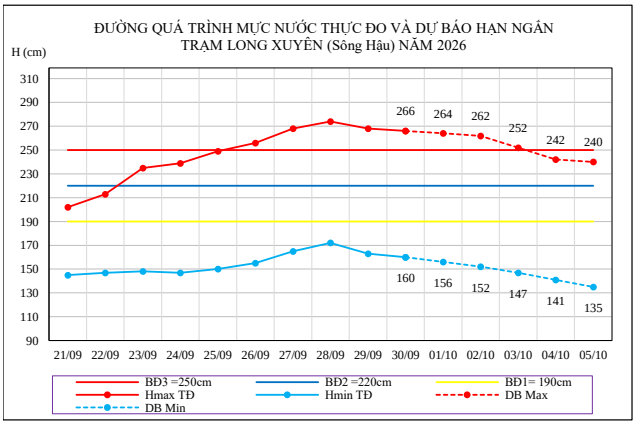

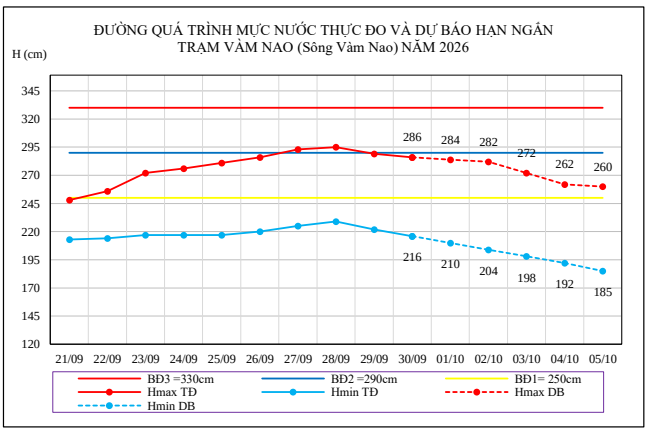

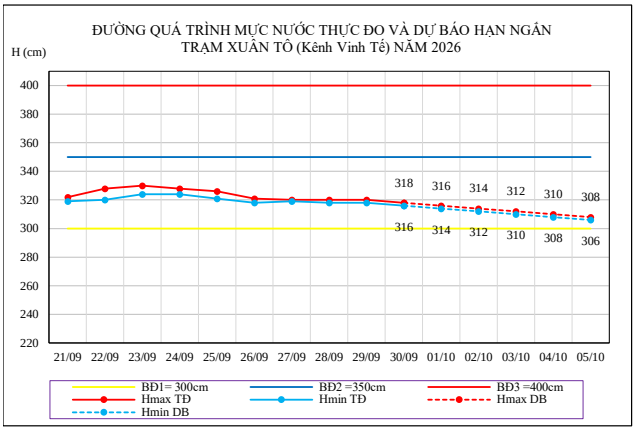
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XUÂN TÔ (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ1= 300cm
BĐ2 =350cm
BĐ3 =400cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

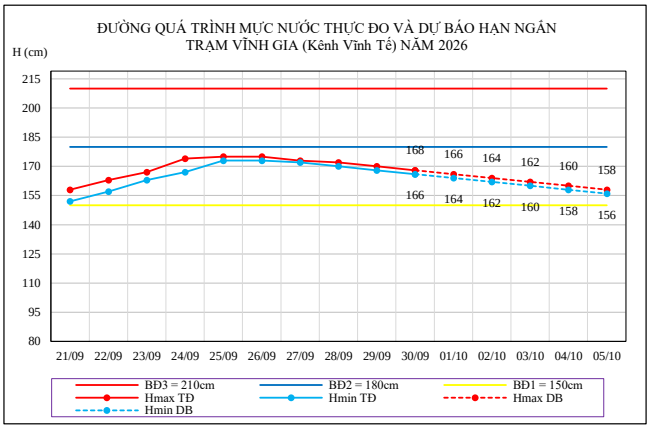
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH GIA (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 = 210cm
BĐ2 = 180cm
BĐ1 = 150cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

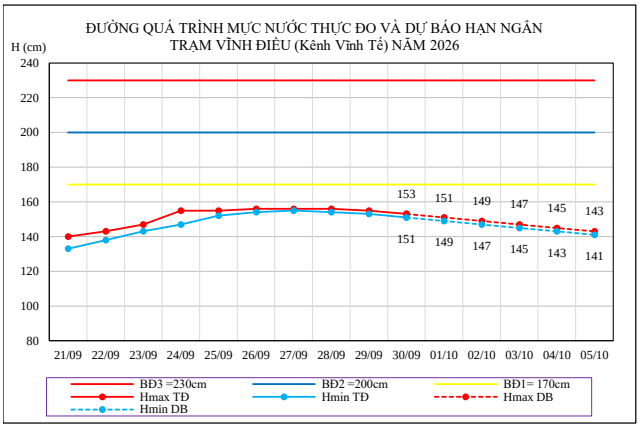
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH ĐIỀU (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =230cm
BĐ2 =200cm
BĐ1= 170cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

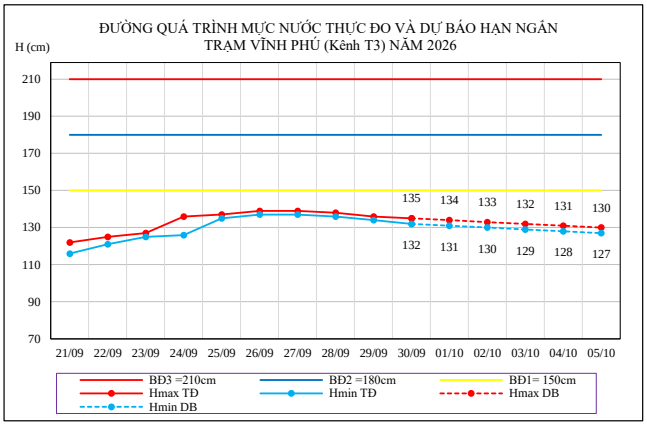
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH PHÚ (Kênh T3) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =210cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 150cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

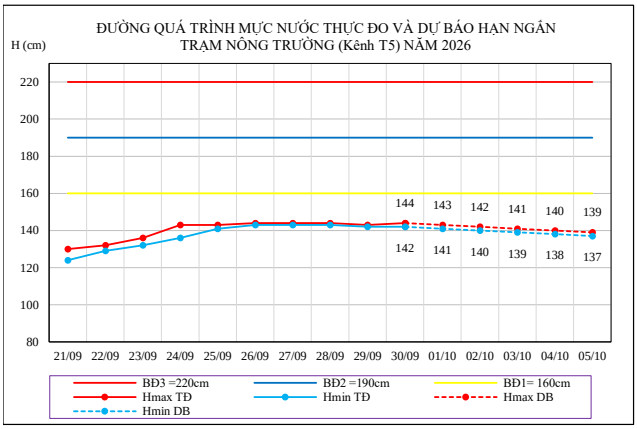
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÔNG TRƯỜNG (Kênh T5) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =190cm
BĐ1= 160cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

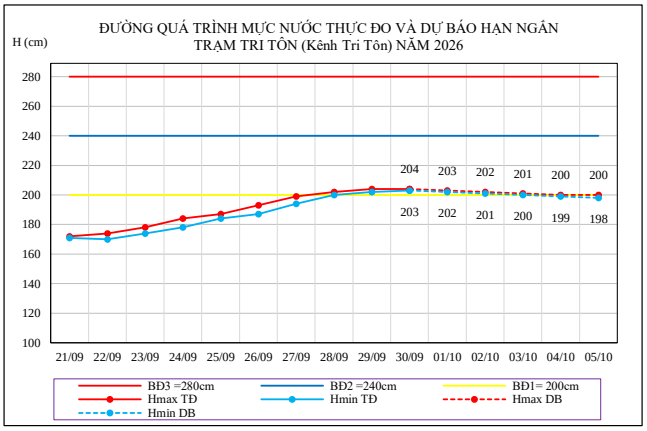
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TRI TÔN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =280cm
BĐ2 =240cm
BĐ1= 200cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

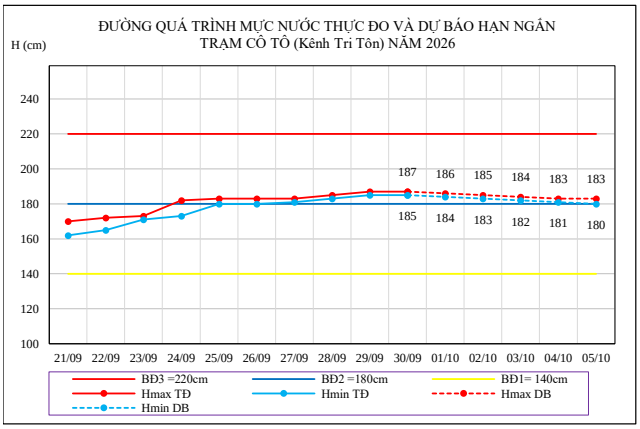
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM CÔ TÔ (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

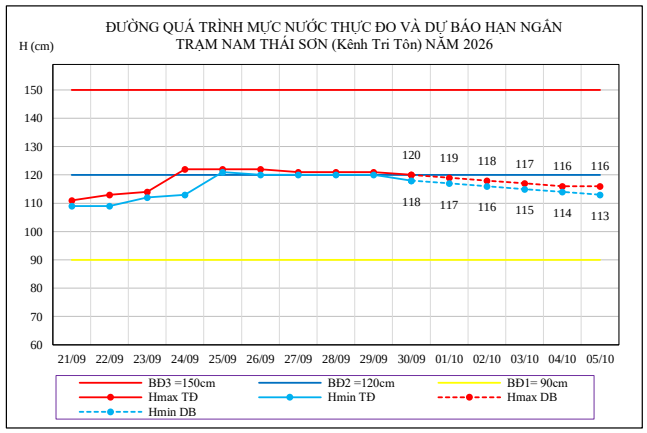
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NAM THÁI SƠN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =150cm
BĐ2 =120cm
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

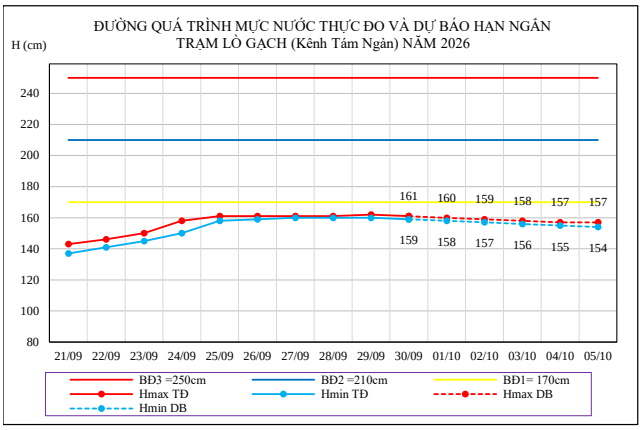
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM LÒ GẠCH (Kênh Tám Ngàn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =250cm
BĐ2 =210cm
BĐ1= 170cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

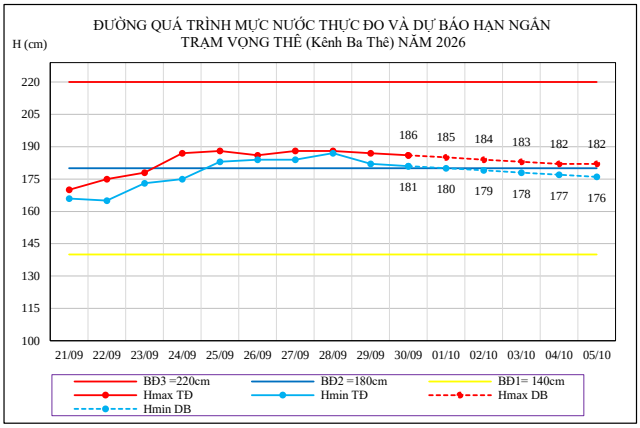
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VỌNG THÊ (Kênh Ba Thê) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

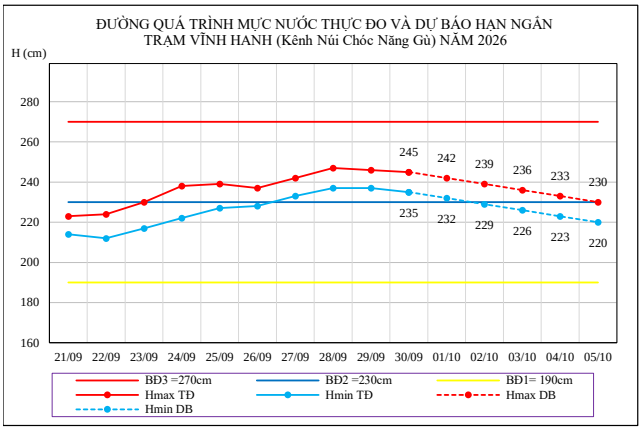
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH HANH (Kênh Núi Chóc Năng Gù) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =270cm
BĐ2 =230cm
BĐ1= 190cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

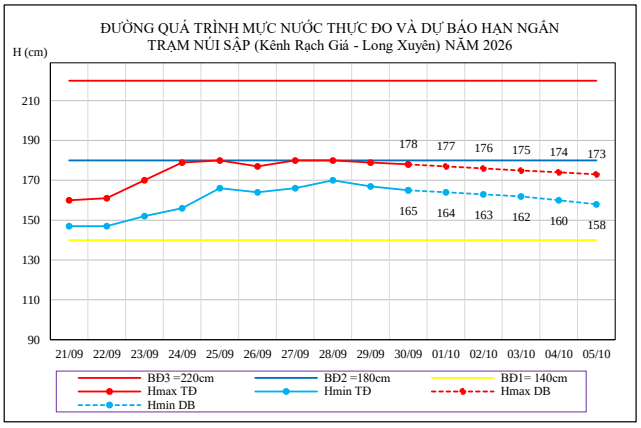
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÚI SẬP (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

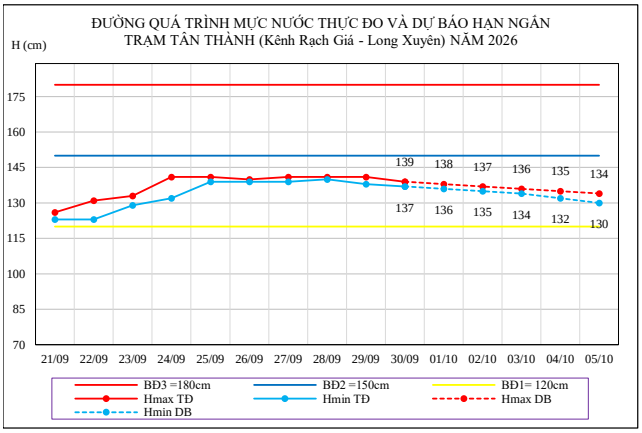
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN THÀNH (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =180cm
BĐ2 =150cm
BĐ1= 120cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

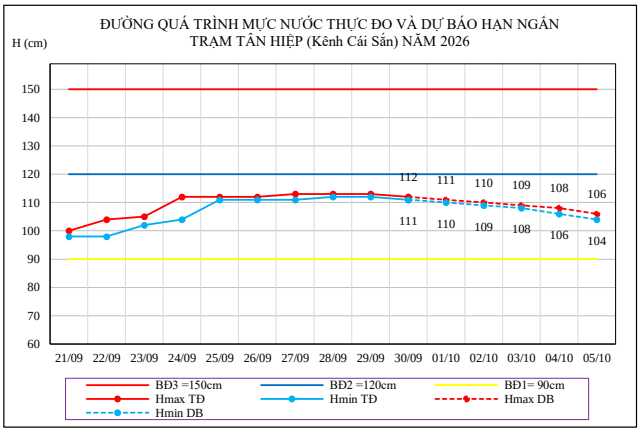
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN HIỆP (Kênh Cái Sắn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =150cm
BĐ2 =120cm
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

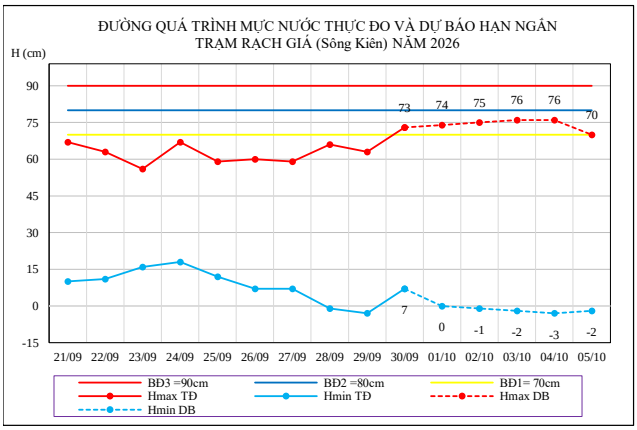
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM RẠCH GIÁ (Sông Kiên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =90cm
BĐ2 =80cm
BĐ1= 70cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

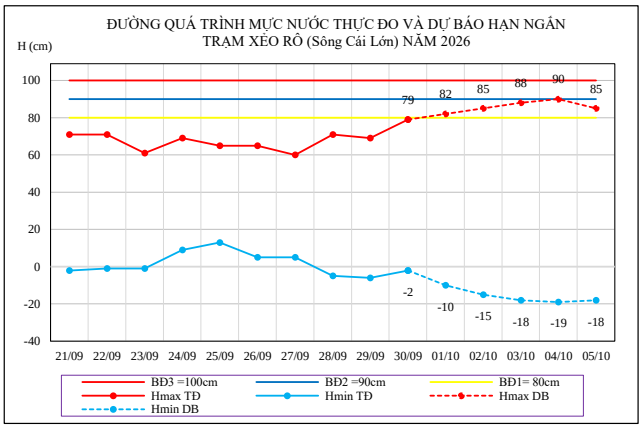
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XẺO RÔ (Sông Cái Lớn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =100cm
BĐ2 =90cm
BĐ1= 80cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB